

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: **11** /2025/QĐ-UBND

Lào Cai, ngày **24** tháng **01** năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy định chi tiết một số nội dung thực hiện
Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LÀO CAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;
Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;
Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;
Căn cứ Luật Đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;
Căn cứ Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ ngày 27 tháng 6 năm 2024;
Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;
Căn cứ Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;
Căn cứ Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ Quy định về hoạt động vận tải đường bộ;
Căn cứ Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ Quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ;
Căn cứ Nghị định số 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ;
Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;
Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và

hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Giao thông vận tải tại Tờ trình số 451/TTr-SGTVT ngày 31 tháng 12 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy định chi tiết một số nội dung thực hiện Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 10/02/2025.

Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 16/6/2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai ban hành quy định phạm vi, tuyến đường, thời gian hoạt động và quản lý hoạt động thí điểm xe chở người bốn bánh có gắn động cơ điện hoặc xăng hoạt động trong phạm vi hạn chế trên địa bàn thành phố Lào Cai và thị xã Sa Pa, tỉnh Lào Cai; Quyết định số 1478/QĐ-UBND ngày 20/6/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Quyết định số 1790/QĐ-UBND ngày 16/6/2020; Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 02/3/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc quy định điều kiện và phạm vi hoạt động vận chuyển của xe thô sơ, xe gắn máy hai bánh, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự tại tỉnh Lào Cai; Quyết định số 92/2016/QĐ-UBND ngày 09/9/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quyết định số 02/2010/QĐ-UBND ngày 02/3/2010 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai về việc quy định điều kiện và phạm vi hoạt động vận chuyển của xe thô sơ, xe gắn máy hai bánh, xe mô tô hai bánh, xe mô tô ba bánh và các loại xe tương tự tại tỉnh Lào Cai hết hiệu lực kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực thi hành.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./. *Thư*

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Vụ pháp chế, Bộ Công an;
- Vụ pháp chế, Bộ Giao thông Vận tải;
- Cục Kiểm tra VBQPPL - Bộ Tư pháp;
- TT. TU, HĐND, UBND tỉnh;
- Đoàn Đại biểu QH tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh;
- Các Tổ chức chính trị XH tỉnh;
- Như Điều 3 QĐ;
- Văn phòng ĐDBQH tỉnh;
- Văn phòng tỉnh ủy;
- Đài PT-TH tỉnh, Báo Lào Cai;
- Công báo tỉnh, Cổng TTĐT tỉnh;
- LĐ Văn phòng;
- Lưu: VT, các CV, XD4 *4*

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Trọng Hải

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH LÀO CAI**



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

**Chi tiết một số nội dung thực hiện Luật Trật tự, an toàn giao thông
đường bộ trên địa bàn tỉnh Lào Cai**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 11 /2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2025
của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)*

Chương I **QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Quy định này quy định chi tiết một số nội dung thực hiện Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ trên địa bàn tỉnh Lào Cai, gồm:

a) Khoản 6 Điều 35: Phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ tại địa phương.

b) Khoản 4, khoản 5 Điều 44: Thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời; Hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị và tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị.

c) Khoản 2 Điều 47: Sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa tại địa phương.

d) Khoản 2 Điều 48: Thời gian, phạm vi hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và hoạt động vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ.

2. Quy định này không áp dụng đối với các phương tiện sử dụng vào mục đích quốc phòng, an ninh.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức, cá nhân thực hiện hoạt động vận tải chở người, chở hàng hóa bằng xe thô sơ, xe bốn bánh có gắn động cơ; vận tải đường bộ trong đô thị; sử dụng xe vệ sinh môi trường, xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời trong đô thị; sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa trên địa bàn tỉnh Lào Cai.

2. Các cơ quan, tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

Chương II

PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA XE THÔ SƠ, XE CHỖ HÀNG BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ, XE CHỖ NGƯỜI BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ VÀ THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH BẰNG XE BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ, HOẠT ĐỘNG VẬN CHUYỂN HÀNG HÓA BẰNG XE CHỖ HÀNG BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ

Điều 3. Phạm vi hoạt động của xe thô sơ, xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ

1. Xe thô sơ được hoạt động trên các tuyến đường bộ thuộc địa bàn các xã, phường, thị trấn, trừ các tuyến đường cấm theo quy định và phải tuân thủ phương án tổ chức giao thông của địa phương.

2. Phạm vi hoạt động của xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ

a) Xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ, xe chở người bốn bánh có gắn động cơ được hoạt động trên các tuyến đường theo quy định tại khoản 2 Điều 24 Nghị định 165/2024/NĐ-CP ngày 26/12/2024 của Chính phủ quy định chi tiết, hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đường bộ và Điều 77 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ trong phạm vi địa bàn các xã, phường, thị trấn theo Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định này.

b) Các tuyến đường thuộc phạm vi tại điểm a khoản này phải có điểm tránh, vượt hoặc bề rộng mặt đường đủ cho hai phương tiện đi ngược chiều tránh, vượt nhau (đối với các tuyến đường không bố trí điểm tránh, vượt).

Điều 4. Thời gian hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ và vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ

1. Trên địa bàn các huyện và thành phố Lào Cai

Thời gian hoạt động vận chuyển 24/24 giờ hằng ngày đối với khu vực trong đô thị, từ 05 giờ đến 24 giờ hằng ngày tại khu vực ngoài đô thị.

2. Trên địa bàn thị xã Sa Pa

a) Vào mùa hè (bắt đầu từ ngày 01 tháng 4 đến hết ngày 30 tháng 9 hàng năm): Thời gian hoạt động vận chuyển 24/24 giờ hằng ngày.

b) Vào mùa đông (bắt đầu từ ngày 01 tháng 10 năm trước đến hết ngày 31 tháng 3 năm sau): Thời gian hoạt động vận chuyển từ 06 giờ đến 23 giờ hằng ngày.

3. Căn cứ thực tế địa phương (trong trường hợp đặc biệt), Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố đề nghị Ủy ban nhân dân tỉnh điều chỉnh thời gian hoạt động vận chuyển hành khách bằng xe bốn bánh có gắn động cơ, vận chuyển hàng hóa bằng xe chở hàng bốn bánh có gắn động cơ cho phù hợp.

Chương III

HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ TRONG ĐÔ THỊ VÀ TỶ LỆ PHƯƠNG TIỆN VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH CÔNG CỘNG CÓ THIẾT BỊ HỖ TRỢ CHO NGƯỜI KHUYẾT TẬT TRONG ĐÔ THỊ

Điều 5. Quy định hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị

1. Người điều khiển phương tiện, phương tiện tham gia hoạt động vận tải đường bộ, tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị phải tuân thủ quy định tại Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ năm 2024; Nghị định số 158/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ Quy định về hoạt động vận tải đường bộ nghiên cứu, triển khai đồng bộ cơ sở dữ liệu, gắn “Thẻ đầu cuối” để thực hiện thanh toán điện tử giao thông theo lộ trình quy định tại Nghị định số 119/2024/NĐ-CP ngày 30/9/2024 của Chính phủ Quy định về thanh toán điện tử giao thông đường bộ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

2. Hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị phải thực hiện theo phương án tổ chức giao thông đã được cơ quan có thẩm quyền phê duyệt, tuân thủ về thời gian hoạt động trong ngày đối với khu đô thị (nếu có), phương tiện không chạy quá tốc độ quy định trong khu vực đông dân cư (trừ các xe được quyền ưu tiên đang làm nhiệm vụ theo quy định).

3. Những hành vi vi phạm về hoạt động vận tải trong đô thị phải được phát hiện kịp thời và xử lý trực tiếp hoặc xử phạt qua hình ảnh, video thu được từ hệ thống camera giám sát vi phạm giao thông và các nguồn cung cấp thông tin hợp pháp khác.

Điều 6. Hoạt động vận tải hành khách bằng xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ

1. Phương tiện ô tô khách thành phố, xe buýt có thiết bị hỗ trợ người khuyết tật đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về ô tô khách thành phố để người khuyết tật tiếp cận sử dụng (QCVN 82:2024/BGTVT); Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về chất lượng an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe ô tô khách thành phố (QCVN 10:2024/BGTVT) ban hành kèm theo Thông tư số 48/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.

2. Căn cứ biểu đồ chạy xe đã được Sở Giao thông vận tải phê duyệt và công bố, các doanh nghiệp khai thác tuyến xe buýt, tuyến cố định phải bố trí đủ số lượng xe, chạy đúng tuyến, hành trình, lịch trình đã phê duyệt; trong quá trình thực hiện biểu đồ xe chạy, chỉ được đón, trả khách tại các vị trí đón, trả khách, bến xe hoặc nhà chờ xe buýt đã được phê duyệt; trước khi bắt đầu hành trình và sau khi kết thúc hành trình, xe chạy tuyến cố định phải có xác nhận của bến xe trên Lệnh vận chuyển.

3. Hoạt động vận tải hành khách theo hợp đồng và xe taxi có thể thỏa thuận vị trí đón, trả khách nhưng phải chấp hành các quy định về an toàn giao thông và

theo phương án tổ chức giao thông đô thị; trong thời gian đỗ xe chờ đón khách, các xe taxi chỉ được đỗ xe tại các điểm đỗ xe theo quy định.

4. Xe buýt và xe taxi được ưu tiên bố trí nơi dừng, đỗ để đón, trả khách tại các bến xe, nhà ga, sân bay, khu du lịch, cơ sở lưu trú, điểm tham quan du lịch, địa điểm văn hóa, thể thao, trung tâm thương mại, đầu mối giao thông và các địa điểm kết nối với các phương thức vận tải khác; được ưu tiên hoạt động khi tổ chức giao thông tại đô thị.

5. Xe chở khách bốn bánh có gắn động cơ, xe buýt khi hoạt động trong các khu đô thị (đặc biệt là các điểm du lịch), lái xe phải có thái độ văn minh, lịch sự khi giao tiếp với hành khách, không bật nhạc to nơi công cộng làm ảnh hưởng tiếng ồn; không tranh giành khách, ép khách đi xe; không chở quá số người được phép chở; thực hiện nghiêm các quy định về giá cước, không được tự ý tăng giá vé vào các dịp nghỉ Lễ, Tết, ngày cao điểm; tuân thủ nghiêm các quy định về phạm vi, tuyến đường và thời gian được phép hoạt động.

6. Các đơn vị hoạt động vận tải hành khách công cộng trong đô thị thực hiện lộ trình chuyển đổi sang phương tiện sử dụng điện và năng lượng xanh theo Quyết định 876/QĐ-TTg ngày 22/7/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt “Chương trình hành động về chuyển đổi năng lượng xanh, giảm phát thải khí carbon và khí mê-tan của ngành giao thông vận tải”.

7. Các phương tiện vận tải hành khách bằng xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ phải có dụng cụ thu gom rác thải của hành khách đi trên xe để chuyển đến vị trí quy định, không được để hành khách đi trên xe bỏ rác thải ra ngoài làm ảnh hưởng đến vệ sinh môi trường đô thị.

8. Các đơn vị kinh doanh vận tải phải có trách nhiệm thực hiện chính sách miễn, giảm giá vé đối với người khuyết tật, người cao tuổi, học sinh, sinh viên.

Điều 7. Hoạt động vận tải hàng hóa bằng xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ

1. Hoạt động vận chuyển hàng hóa phụ thuộc vào nhu cầu của khách hàng hoặc theo thỏa thuận giữa chủ hàng và chủ phương tiện nhưng phải thực hiện đúng quy định tại của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; khi đỗ xe để xếp, dỡ hàng hóa phải đúng vị trí được phép đỗ xe và phải đảm bảo an toàn giao thông.

2. Hoạt động vận tải hàng hóa trong đô thị phải tuân thủ các quy định về tổ chức giao thông đô thị tại địa phương (nếu có) về tuyến đường hoạt động, phương án phân luồng giao thông và thời gian hoạt động của các loại phương tiện.

3. Việc vận chuyển hàng nguy hiểm thực hiện theo quy định tại Nghị định số 161/2024/NĐ-CP ngày 18/12/2024 của Chính phủ quy định Danh mục hàng hóa nguy hiểm, vận chuyển hàng hóa nguy hiểm và trình tự, thủ tục cấp giấy phép, cấp giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tập huấn cho người lái xe hoặc người áp tải vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ. Xe vận chuyển hàng nguy hiểm không được dừng, đỗ ở nơi đông người, những nơi dễ xảy ra nguy hiểm.

4. Khi phương tiện lưu thông không được để rơi, vãi hàng hóa, rác thải, chất thải xuống đường. Trường hợp để rơi, vãi hàng hóa, rác thải, chất thải xuống đường thì người vận tải phải có trách nhiệm thu dọn ngay và có những biện pháp báo hiệu, ngăn chặn không để xảy ra tai nạn giao thông, gây ô nhiễm môi trường.

Điều 8. Hoạt động vận tải xe môi trường, xe ô tô chở phế thải rời

1. Xe vệ sinh môi trường phải đáp ứng được các yêu cầu kỹ thuật về bảo vệ môi trường theo quy định tại Điều 27, Điều 34, Điều 37 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường và đáp ứng yêu cầu an toàn, kỹ thuật theo quy định.

2. Xe ô tô chở phế thải rời phải đảm bảo các điều kiện về phương tiện tham gia giao thông đường bộ theo quy định tại Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ; khi lưu thông phải được che đậy kín, không để chất phế thải rơi vãi xuống đường; không gây tiếng ồn hoặc bụi bẩn, ô nhiễm môi trường trong suốt quá trình vận chuyển.

Điều 9. Hoạt động vận tải nội bộ

Xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ vận tải người nội bộ, vận tải hàng nội bộ phải được niêm yết (dán cố định) cụm từ “XE NỘI BỘ” làm bằng vật liệu phản quang trên kính phía trước, trường hợp niêm yết bằng thiết bị điện tử phải bảo đảm cụm từ “XE NỘI BỘ” luôn được bật sáng; không được sử dụng xe nội bộ để kinh doanh vận tải hành khách, hàng hóa hoặc cho thuê để vận chuyển hành khách, hàng hóa. Đối với xe nội bộ chở người chỉ được vận chuyển cán bộ, công nhân viên, người lao động hoặc học sinh, sinh viên của đơn vị mình; các vị trí đón, trả người nội bộ đảm bảo an toàn giao thông và không vi phạm quy định dừng, đỗ xe.

Điều 10. Tỷ lệ phương tiện vận chuyển hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trong đô thị

1. Đến năm hết năm 2025, doanh nghiệp, hợp tác xã có từ 05 phương tiện trở lên đăng ký hoạt động vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt trong đô thị, phải đảm bảo tối thiểu 20% số lượng phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật trên tổng số phương tiện xe khách tuyến cố định và xe buýt của đơn vị.

2. Đến hết năm 2030, đạt tỷ lệ tối thiểu 30% số lượng phương tiện có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật. Trường hợp xe không có thiết bị hỗ trợ, nhân viên phục vụ có trách nhiệm giúp đỡ cho người khuyết tật lên, xuống xe.

Chương IV**THỜI GIAN HOẠT ĐỘNG CỦA XE VỆ SINH MÔI TRƯỜNG, XE Ô TÔ CHỖ VẬT LIỆU XÂY DỰNG, PHÉ THẢI RỜI TRONG ĐÔ THỊ; SỬ DỤNG XE MÔ TÔ, XE GẮN MÁY, XE THÔ SƠ ĐỂ KINH DOANH VẬN CHUYỂN HÀNH KHÁCH, HÀNG HÓA****Điều 11. Thời gian hoạt động của xe vệ sinh môi trường**

1. Xe vận chuyển chất thải rắn sinh hoạt, xe vận chuyển chất thải rắn công nghiệp, xe vận chuyển chất thải nguy hại hoạt động trong khu vực đô thị trên địa bàn tỉnh theo khung giờ quy định tại khoản 3 Điều 5, khoản 3, khoản 4 Điều 10 của Quy định một số nội dung về bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh Lào Cai ban hành kèm theo Quyết định số 16/2023/QĐ-UBND ngày 19/5/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai

2. Các xe vệ sinh môi trường không thuộc khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều này hoạt động theo khung giờ: Buổi sáng từ 05 giờ đến 08 giờ; buổi chiều từ 17 giờ đến 22 giờ hằng ngày.

3. Trong trường hợp cấp thiết hoặc các ngày cao điểm cần đảm bảo vệ sinh môi trường, các phương tiện phục vụ công tác vệ sinh môi trường hoạt động 24/24 giờ trong ngày.

Điều 12. Thời gian hoạt động của xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời

Xe ô tô chở vật liệu xây dựng, phế thải rời được phép hoạt động 24/24 giờ trong ngày và thực hiện theo phương án tổ chức giao thông hoặc theo quy định của Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

Điều 13. Quy định về sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa

1. Xe thô sơ, xe mô tô, xe gắn máy khi tham gia hoạt động vận chuyển hành khách, hàng hóa phải tuân thủ các điều kiện theo quy định tại khoản 5 Điều 31, khoản 5 Điều 33, Điều 35 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và Điều 26 Nghị định số 151/2024/NĐ-CP ngày 15/11/2024 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ.

2. Người điều khiển xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa phải đảm bảo các điều kiện theo quy định tại Điều 56, Điều 59 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

3. Tổ chức, cá nhân sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ để kinh doanh vận chuyển hành khách, hàng hóa phải đảm bảo trật tự, an toàn giao thông đường bộ quy định tại khoản 1 Điều 47 Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ và thực hiện theo các quy định sau:

a) Đón, trả hành khách theo thỏa thuận giữa hành khách và người điều khiển nhưng phải chấp hành các quy định của pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ;

b) Không chở hàng hóa nguy hiểm, hàng hóa cấm lưu hành, hàng lậu, động vật hoang dã, hàng có mùi hôi thối hoặc động vật, hàng hóa khác có ảnh hưởng đến sức khỏe của hành khách, môi trường;

4. Không sử dụng xe mô tô, xe gắn máy, xe thô sơ làm quầy bán hàng lưu động trên đường trong đô thị.

Chương V

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 14. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

1. Công an tỉnh

a) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này;

b) Chủ trì, phối hợp với chính quyền địa phương rà soát, thống kê các loại phương tiện đã được đăng ký và cấp biển số (kể cả các phương tiện đã được đăng ký và cấp biển số ở các địa phương khác đang hoạt động tại tỉnh Lào Cai) phục vụ cho công tác quản lý. Kết nối, chia sẻ thông tin từ hệ thống quản lý dữ liệu thiết bị giám sát hành trình và thiết bị ghi nhận hình ảnh người lái xe với các lực lượng chức năng trong địa bàn tỉnh;

c) Chủ trì tổ chức tuần tra, kiểm soát, xử lý vi phạm về đảm bảo trật tự, an toàn giao thông trên địa bàn tỉnh;

d) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng tổ chức tuyên truyền, phổ biến các quy định về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông; phối hợp tuyên truyền, phổ biến Quy định này cho các tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Sở Giao thông vận tải

a) Phối hợp với Công an tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan trong việc tổ chức triển khai thực hiện Quyết định này trên địa bàn tỉnh;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành có liên quan, chính quyền địa phương tổ chức giao thông trong phạm vi quản lý;

c) Hướng dẫn các doanh nghiệp khai thác vận tải hành khách công cộng đảm bảo lộ trình thay thế phương tiện sử dụng năng lượng sạch theo Quyết định của Thủ tướng Chính phủ; xây dựng kế hoạch đầu tư phương tiện đảm bảo yêu cầu kỹ thuật riêng đối với phương tiện vận tải cho người khuyết tật tiếp cận sử dụng (trước tiên vận tải hành khách bằng xe buýt, tuyến cố định);

d) Chủ trì tổ chức thanh tra, kiểm tra, xử lý các vi phạm về kinh doanh và điều kiện kinh doanh vận tải đối với các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động vận tải trên địa bàn tỉnh;

đ) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan chức năng tuyên truyền, phổ biến các quy định về điều kiện kinh doanh vận tải, quản lý và tổ chức hoạt động vận tải, nội dung Quy định này cho các tổ chức, cá nhân có liên quan;

3. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, địa phương, đơn vị cung ứng dịch vụ hỗ trợ triển khai các giải pháp, các ứng dụng (app), áp dụng công nghệ vào hoạt động quản lý, vận chuyển hành khách (gọi xe qua ứng dụng di động); ưu tiên sử dụng hoặc tích hợp trên nền tảng dịch vụ đô thị thông minh phục vụ công tác quản lý, giám sát, hỗ trợ vận chuyển hành khách, hàng hoá;

b) Hướng dẫn các cơ quan thông tấn, báo chí tại địa phương phối hợp với các cơ quan chức năng tuyên truyền, phổ biến các quy định về bảo đảm an toàn giao thông và Quy định này cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

4. Văn phòng Ban an toàn giao thông tỉnh

a) Tham mưu Ban an toàn giao thông tỉnh theo dõi, đôn đốc các sở, ngành, lực lượng chức năng, chính quyền địa phương triển khai thực hiện quyết định này;

b) Phối hợp với chính quyền địa phương, các cơ quan, đơn vị có liên quan tổ chức tuyên truyền, phổ biến Quy định này bằng các hình thức thích hợp đến các tổ chức, cá nhân trên địa bàn tỉnh.

5. Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, thị xã

a) Chỉ đạo cơ quan chuyên môn của huyện, thành phố, thị xã thực hiện công tác quản lý liên quan đến hoạt động vận tải đường bộ trong đô thị trên địa bàn;

b) Chủ trì, phối hợp với các sở, ngành tổ chức giao thông trên địa bàn quản lý; phối hợp với Sở Giao thông vận tải tổ chức khảo sát và xác định các vị trí cho phép đỗ xe trên các tuyến đường theo phân cấp quản lý;

c) Quy định vị trí tập kết rác thải tập trung, địa điểm tập kết chất thải nguy hại trong đô thị bảo đảm thuận lợi cho việc bốc rác thải lên xe nhằm đảm bảo vệ sinh môi trường, mỹ quan đô thị và an toàn giao thông; phù hợp với quy định của Luật bảo vệ môi trường;

d) Phối hợp các cơ quan chức năng, cơ quan thông tin, truyền thông tuyên truyền, phổ biến các quy định về bảo đảm trật tự, an toàn giao thông và Quy định này cho các tổ chức, cá nhân trên địa bàn quản lý.

Điều 15. Các tổ chức, cá nhân tham gia hoạt động vận tải

1. Các tổ chức, cá nhân khi tham gia các hoạt động có liên quan đến lĩnh vực vận tải đường bộ trên địa bàn tỉnh Lào Cai phải tuân thủ theo quy định pháp luật và Quy định này; mọi hành vi vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Đơn vị kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe buýt (có từ 05 phương tiện trở lên) xây dựng Kế hoạch triển khai quy định về tỷ lệ phương tiện vận tải hành khách công cộng có thiết bị hỗ trợ cho người khuyết tật theo quy định tại Điều 10 Quy định này.

3. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe tham gia hoạt động vận tải có trách nhiệm giúp đỡ người khuyết tật, người cao tuổi, trẻ em, phụ nữ có thai trong quá trình tham gia vận chuyển hành khách.

4. Hành khách trên xe phải chấp hành nội quy vận chuyển, tuân thủ hướng dẫn của lái xe, nhân viên phục vụ trên xe để đảm bảo an toàn trật tự trên xe; giữ gìn vệ sinh chung, không được xả rác bừa bãi; không được mang theo những loại hàng hóa bị cấm lưu thông, cồng kềnh, gây ô nhiễm môi trường, có khả năng lây nhiễm bệnh, súc vật sống, chất dễ cháy nổ; giúp đỡ và nhường ghế ngồi trên xe cho khách đi xe là người khuyết tật, người cao tuổi, phụ nữ có thai hoặc có con nhỏ và trẻ em.

Điều 16. Điều khoản thi hành

1. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được viện dẫn tại Quy định này được sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ thì áp dụng các văn bản sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ.

2. Trường hợp các cơ quan, đơn vị được quy định tại Quy định ban hành kèm theo Quyết định này thực hiện việc sắp xếp, tổ chức lại theo quyết định của cấp thẩm quyền thì căn cứ chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, đơn vị cũ chuyển giao cho cơ quan, đơn vị mới, cơ quan, đơn vị mới tiếp tục thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của Quyết định này.

3. Trong quá trình thực hiện Quy định, nếu có khó khăn, vướng mắc phát sinh, các cơ quan, tổ chức và cá nhân kịp thời thông tin, báo cáo về Sở Giao thông vận tải để tổng hợp, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung cho phù hợp./. *Hand*

PHỤ LỤC

PHẠM VI HOẠT ĐỘNG CỦA XE CHỞ HÀNG BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ, XE CHỞ NGƯỜI BỐN BÁNH CÓ GẮN ĐỘNG CƠ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH LÀO CAI

(Kèm theo Quyết định số: 11 /2025/QĐ-UBND ngày 24 tháng 01 năm 2025 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lào Cai)

TT	Địa bàn	Phạm vi hoạt động xe thô sơ (theo cấp xã, phường, thị trấn)	Ghi chú
I	Thành phố Lào Cai		
1		Các phường: Lào Cai, Cốc Lếu, Duyên Hải, Kim Tân, Bắc Cường, Nam Cường, Bắc Lệnh, Pom Hán, Bình Minh, Xuân Tăng	10 phường
2		Các xã: Vạn Hòa, Đồng Tuyển, Cốc San, Cam Đường, Thống Nhất, Tả Phời, Hợp Thành	07 xã
II	Thị xã Sa Pa		
1		Các phường: Sa Pa, Cầu Mây, Hàm Rồng, Sa Pả, Phan Si Păng, Ô Quý Hồ	06 phường
2		Các xã: Trung Chải, Tả Phìn, Ngũ Chỉ Sơn, Hoàng Liên, Tả Van, Mường Hoa, Thanh Bình, Bản Hồ, Mường Bo, Liên Minh	10 xã
III	Huyện Bảo Thắng		
1		Các thị trấn: Phố Lu, Nông trường Phong Hải, Tăng Loỏng	03 thị trấn
2		Các xã: Sơn Hà, Sơn Hải, Gia Phú, Xuân Giao, Phú Nhuận, Trì Quang, Xuân Quang, Thái Niên, Phong Niên, Bản Cầm, Bản Phiệt	11 xã
IV	Huyện Bảo Yên		
1		Thị trấn Phố Ràng	01 thị trấn
2		Các xã: Yên Sơn, Minh Tân, Thượng Hà, Điện Quan, Kim Sơn, Bảo Hà, Cam Cọn, Lương Sơn, Phúc Khánh, Xuân Thượng, Xuân Hòa, Việt Tiến, Tân Dương, Vĩnh Yên, Nghĩa Đô, Tân Tiến	16 xã

Hau

TT	Địa bàn	Phạm vi hoạt động xe thô sơ (theo cấp xã, phường, thị trấn)	Ghi chú
V	Huyện Văn Bàn		
1		Thị trấn Khánh Yên	01 thị trấn
2		Các xã: Làng Giàng, Hòa Mạc, Dương Quý, Thắm Dương, Minh Lương, Khánh Yên Thượng, Khánh Yên Trung, Khánh Yên Hạ, Liêm Phú, Chiềng Ken, Nậm Tha, Tân An, Tân Thượng, Sơn Thủy, Võ Lao, Nậm Dạng, Nậm Mả	17 xã
VI	Huyện Bát Xát		
1		Thị trấn Bát Xát	01 thị trấn
2		Các xã: Quang Kim, Bản Qua, Bản Vược, Cốc Mỳ, Trịnh Tường, A Mú Sung, A Lù, Y Tý, Dền Sáng, Sảng Ma Sáo, Mường Hum, Bản Xèo, Mường Vi, Pa Cheo, Nậm Chạc	15 xã
VII	Huyện Bắc Hà		
1		Thị trấn Bắc Hà	01 thị trấn
2		Các xã: Tà Chải, Na Hối, Thái Giàng phố, Bản Phố	04 xã
VIII	Huyện Mường Khương		
1		Thị trấn Mường Khương	01 thị trấn
2		Các xã: Bản Sen, Bản Lầu, Lũng Vai, Thanh Bình, Nậm Chầy, Nậm Lư, Lũng Khẩu Nhín, Cao Sơn, La Pán Tản, Tả Thàng, Tung Chung Phố, Tả Ngải Chồ, Pha Long, Dìn Chín, Tả Gia Khâu	15 xã
IX	Huyện Si Ma Cai		
1		Thị trấn Si Ma Cai	01 thị trấn
2		Các xã: Lũng Thẩn, Cán Cấu, Sán Chải, Quan Hồ Thẩn, Nàn Sán, Bản Mế, Thào Chư Phìn, Sín Chéng, Nàn Sín	09 xã

